

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT

Ngày: 06/01/2022

V/v: Tranh chấp thừa kế và Yêu cầu
tuyên bố di chúc vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Tô Chánh Trung

2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên cao
cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí
Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 189/2021/TLPT-HC
ngày 05/3/2021, về việc: “*Tranh chấp thừa kế và Yêu cầu tuyên bố di chúc vô
hiệu*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 1A, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1967; (Có mặt)

Địa chỉ: 38/9 BT, Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:

Luật sư Nguyễn Thị Kim Y, thuộc Đoàn LS thành phố Cần Thơ (Có mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Thanh H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Hộ chiếu 533143005 cấp tại Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh H:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3/ Bà Phan Thị Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

4/ Bà Phan Thị Ng1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

5/ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H1:

Ông Trần Ngọc Th1, sinh năm 1990; (Có mặt)

Địa chỉ: NLB, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

6/ Bà Trần Thị Ngọc L1, sinh năm 1993; (Có mặt)

7/ Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1984; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố a, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị Ng.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Cha bà tên Phan Th2 (chết ngày 04/6/2017), mẹ tên Nguyễn Thị B (chết ngày 03/5/2017). Cha mẹ bà sống với nhau từ năm 1960 có 06 người con gồm: Ông Phan Thanh H, bà Phan Thị N, Phan Thị Th, Phan Thị Ng1, Phan Thị Ng, Phan Thị L.

Ngoài ra cha mẹ không có con riêng không có con nuôi; Ông bà nội và ông bà ngoại của bà đều đã chết từ lâu không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ bà.

Khoảng năm 1975 sau giải phóng, cha mẹ mua được 01 căn nhà và đất tọa lạc tại Khu phố 8, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Cha mẹ và tất cả anh chị em bà đều ở chung với nhau. Đến năm 1976, cha bà và ông Phan Thanh H đi vượt biên nhưng bị Nhà nước bắt lại, sau đó Nhà nước tịch thu căn nhà của cha mẹ. Gia đình bà phải sinh sống trên xuồng dưới sông Cà Ty vì không có nhà để ở.

Đến năm 1981, cha bà và ông H tiếp tục vượt biên lần thứ hai và sinh sống làm ăn tại Hoa Kỳ. Sau khi đến Hoa Kỳ, được một thời gian thì cha bà và ông H bắt đầu gửi tiền, gửi hàng hóa về cho mẹ bà và gia đình để trang trải cuộc sống.

Đến năm 1991, cha bà và ông Phan Thanh H gửi tiền về cho mẹ bà mua lại căn nhà mà trước đó đã bị Nhà nước tịch thu tọa lạc tại Khu phố 8, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Mẹ bà đã được Sở Xây dựng cấp

phép, tọa lạc tại khu phố 8, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận diện tích đất 168,2m² (đo đạc theo hiện trạng 162,5m²) thửa số 272 tờ bản đồ số 27 và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 57,1m² (đo đạc thực tế là 84,6m²) loại nhà cấp 3 được UBND thành phố cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 387715 cấp cho mẹ bà đứng tên vào ngày 10/11/2015.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc mà bà Nguyễn Thị B lập là vô hiệu do vi phạm điều cấm vì không có sự định đoạt của cha bà. Yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật, bà xin nhận nhà và đất rồi hoàn lại cho các đồng thừa kế phần giá trị bằng tiền, trường hợp tài sản có thể chia được thì đề nghị Tòa án chia đôi, bà xin chịu trách nhiệm chia phần ngăn cách ngôi nhà.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn bà Phan Thị Ng trình bày:

Năm 1975 căn nhà cha mẹ bà tạo dựng đã bị nhà nước thu hồi và phân chia cho gia đình ông Phạm Ngọc L2 và bà Lưu Thị Th3. Sau đó, cha bà cùng anh của bà là ông Phan Thanh H tiếp tục vượt biên và định cư tại Mỹ.

Bà và mẹ bà đã làm lụng mua lại chính căn nhà hiện đang tranh chấp. Bà B mẹ bà đã làm di chúc để lại cho bà được sử dụng quản lý phục vụ cho việc thờ cúng tổ tiên việc hạn chế một số quyền của người sử dụng đất trong bản di chúc là ý chỉ định đoạt tài sản của người chết.

Bà Ng cam kết tuân thủ và phải làm đúng di chúc. Căn cứ luật thừa kế thì bản thân bà Phan Thị Ng là người được quản lý sử dụng số tài sản của bà Nguyễn Thị B để lại gồm thửa đất số 272 tờ bản đồ số 27 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 57,2m² diện tích đất 168,2m² (đo đạc thực tế 162,5m²) và đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận và bà Nguyễn Thị B cũng để lại di chúc bằng miệng cho riêng cá nhân bà Phan Thị Ng và nói rõ căn nhà này giao cho Bà Ng quản lý và sử dụng không được quyền sang bán hoặc chuyển nhượng vì là nơi thờ tự ông bà. Nay Bà Ng yêu cầu bác đơn khởi kiện đòi phân chia di sản thừa kế của bà Phan Thị L. Buộc bà Phan Thị L phải trả lại Giấy chứng nhận số 387715 mà hiện nay bà Phan Thị L và ông Phan Thanh H đang quản lý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phan Thanh H do bà Trần Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với yêu cầu của bà L và đồng ý cho lại phần thừa kế của ông cho bà Phan Thị L.

Bà Phan Thị N trình bày: Thống nhất với yêu cầu của bà L và đồng ý cho lại phần thừa kế của bà cho bà Phan Thị L.

Bà Phan Thị Th, Phan Thị Ng1 trình bày: Yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần

bằng tiền.

Ông Trần Văn H1 trình bày: Ông là chồng của Bà Ng ông có cung cấp bản kê khai xây dựng sửa chữa nhà vào các năm 1997, 2000, 2015 và 2017 với tổng số tiền là 68.000.000đồng, Nếu chia thừa kế thì ông yêu cầu xem xét giải quyết số tiền này.

Ông Trần Ngọc M, bà Trần Thị Ngọc L1: Thống nhất với yêu cầu của bà Ng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Phan Thị L về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, tuyên bố di chúc vô hiệu”.

1/ Tuyên bố bản di chúc do bà Nguyễn Thị B lập tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận số 11787 ngày 19/11/2015 với nội dung để lại tài sản cho bà Phan Thị Ng quản lý là vô hiệu.

2/ Xác định tài sản chung của cụ Phan Th2 và cụ Nguyễn Thị B là diện tích đất 168,2m² (đo đạc theo hiện trạng 162,5m²) thửa số 272 tờ bản đồ số 27 và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 57,1m² (đo đạc 84,6m²) loại nhà cấp 3 được UBND thành phố cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 387715 cho bà Nguyễn Thị B đứng tên vào ngày 10/11/2015 có trị giá 1.989.023.000đồng.

Trích 10% công sức cho ông Trần Văn H1 và bà Phan Thị Ng số tiền sửa chữa nên còn lại (1.989.023.000đồng – 198.902.000đồng – 68.000.000đồng) = 1.722.121.000đồng.

3/ Chia di sản cụ Phan Th2 và cụ Nguyễn Thị B cho các ông H, bà N, bà L, bà Ng, bà Ng1, bà Th mỗi người một suất trị giá 287.019.000đồng.

4/ Bà Phan Thị L được chia đất, nhà ODT 272/81,1m² lấy mốc số 7 làm điểm đầu bao gồm (số 7,8,17,16,15,14,13,12,11,10,9) có giá trị đất 899.480.000 đồng thể hiện bà L được chia ½ căn nhà có giá trị 78.255.000 đồng, mái che 9.699.000đồng, sân nền 7.410.000đồng, tường rào 2.298.000đồng. Tổng giá trị bà L được nhận bằng hiện vật 997.142.000đồng. Bà L được nhận kỷ phần của ông H và bà N cho. Bà L phải hoàn trả cho Bà Ng số tiền 136.085.000đồng. Bà L có trách nhiệm xây dựng hàng rào ngăn cách giữa căn nhà mà không làm ảnh hưởng đến công năng kết cấu căn nhà và đảm bảo nhu cầu sử dụng của các bên. Bà Ng không được cản trở (Có Bản vẽ kèm theo).

Bà Phan Thị L được sở hữu nhà, mái che, sân nền, tường rào được chia.

5/ Bà Phan Thị Ng được chia đất, nhà ODT 272/81,5m² lấy mốc số 7 làm điểm đầu bao gồm (số 7,6,5,4,3,2,1) giá trị đất 903.916.000đồng, ½ căn nhà có giá trị 78.255.000đồng, sân nền 7.410.000đồng, tường rào 2.298.000đồng. Tổng giá trị Bà Ng được nhận hiện vật 991.879.000đồng. Bà Ng hoàn trả số tiền chênh lệch cho bà Phan Thị Ng1, Phan Thị Th mỗi người 287.019.000đồng (Có Bản vẽ kèm theo).

Bà Phan Thị Ng được sở hữu nhà, sân nền, tường rào được chia.

Bà Phan Thị L, Phan Thị Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Bà Phan Thị Ng1, Phan Thị Th được nhận mỗi người 287.019.000đồng do bà Phan Thị Ng hoàn trả.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị L chịu số tiền 41.914.000đồng, được khấu trừ số tiền 6.770.000đồng, theo Biên lai thu số 0003574 ngày 4/12/2019 của Cục Thi Hành án Dân sự tỉnh Bình Thuận, như vậy bà L còn phải nộp tiếp số tiền 35.144.000đồng.

Bà Phan Thị Ng chịu số tiền 41.756.000đồng.

Bà Phan Thị Ng1, Phan Thị Th mỗi người chịu số tiền 14.351.000đồng.

7/ Về chi phí thẩm định, định giá, đo đạc tài sản: Bà Phan Thị Ng có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị L số tiền 7.809.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22/12/2020, bà Phan Thị Ng làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L.

Ngày 30/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS, nội dung: Đề nghị phúc xử lại theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, một phần kháng cáo của phía bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của phía bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 30/7/2019 và đơn bổ sung ngày 14/10/2020 của nguyên đơn có nội dung “Yêu cầu chia thừa kế nhà đất theo pháp luật và yêu cầu được nhận một phần hai nhà đất” để có nơi cư trú, không có đương sự nào “Yêu cầu tuyên bố di chúc do bà Nguyễn Thị B được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận chứng thực ngày 19/11/2015 là vô hiệu”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố di chúc trên vô hiệu là xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, chưa phù hợp với khoản 1 Điều 5 Bộ Luật tố tụng Dân sự và không đưa Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng với khoản 4 Điều 68, Điều 73 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2.2] Nhà và đất tọa lạc tại khu phố 8, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết là tài sản chung của vợ chồng ông Phan Th2 và bà Nguyễn Thị B. Ngày 19/11/2015, Bà B lập di chúc để lại phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà B cho bà Phan Thị Ng được sử dụng để ở, làm nơi thờ tự, thờ cúng ông bà tổ tiên. Không được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào.

Sau đó Bà B và ông Th2 đều chết vào năm 2017, nên tài sản nêu trên trở thành di sản thừa kế. Như vậy, di chúc của bà Nguyễn Thị B chỉ có hiệu lực đối với một nửa giá trị di sản thừa kế nêu trên và phần di sản của Bà B chỉ để dùng vào việc thờ cúng, không được chia thừa kế và được giao cho bà Phan Thị Ng quản lý theo di chúc của bà B. Đối với một nửa tài sản (một phần nhà đất) còn lại là di sản thừa kế của ông Phan Th2 để lại không có di chúc và được chia theo pháp luật.

Tòa án sơ thẩm tuyên toàn bộ di chúc của bà Nguyễn Thị B lập ngày 19/11/2015 vô hiệu và chia di sản thừa kế của Bà B và ông Th2 để lại theo pháp luật là xâm phạm quyền và ý nguyện của Bà B về việc chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết, là chưa phù hợp với các Điều 631, 646, 648, khoản 4, Điều 667 và khoản 1 Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Ông Trần Văn H1 là chồng của bà Phan Thị Ng có cung cấp bản kê khai xây dựng sửa chữa nhà vào các năm 1997, 2000, 2015 và 2017, với tổng số tiền là 68.000.000đồng, nhưng ông Trần Văn H1 không có yêu cầu các thừa kế của Bà B và ông Th2 hoàn lại số tiền nêu trên. Bà Ng cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn H1 mới đưa ra yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án trích một phần giá trị di sản thừa kế tương ứng với số tiền 68.000.000đồng để hoàn trả cho ông H1, nhưng ông H1 không có chứng cứ gì để chứng minh chi phí sửa nhà là tiền của cá nhân ông Trần Văn H1. Trong khi đó phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với phía nguyên đơn là bà N, bà T, bà Th, bà Ng1 đều không đồng ý với yêu cầu của độc lập của ông Trần Văn H1 vì cho rằng những lần sửa chữa nhà là tiền của Bà B và tiền của ông Phan Thanh H gửi từ Mỹ về.

Như vậy, ông Trần Văn H1 đưa ra yêu cầu độc lập sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1, là không đúng với Điều 200, khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thành phố Phan Thiết cấp thì di sản thừa kế là 168,2m² đất ở và căn nhà cấp 3 có diện tích 57,1m².

Nhưng, diện tích đo đạc theo hiện trạng thì diện tích đất ở là 162,5m² (giảm 5,7m²) và căn nhà có diện tích 84,6m² (tăng 27,5m²) cùng công trình phụ là nhà vệ sinh, sân nền, tường rào. Tòa án sơ thẩm chia cho bà L và Bà Ng mỗi người được sử dụng một phần hai căn nhà cùng công trình phụ là sân nền, tường rào nhưng không xác định rõ một phần hai căn nhà và công trình phụ mà bà L và Bà Ng được nhận có vị trí, kích thước như thế nào. Việc phân chia tài sản không rõ ràng như đã nêu, dẫn đến không thể thi hành được bản án trong thực tế.

[2.5] Do đó có cơ sở chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Bình Thuận, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.6] Đối với kháng cáo của Bà Ng yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà L, nhưng Bà Ng cũng không đưa ra những tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận, khi Tòa án cấp sơ

thẩm thụ lý giải quyết lại thì Bà Ng có quyền tiếp tục bổ sung chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên đương sự không phải chịu án phí DSPT theo luật định.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết theo luật định.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Ng.

1/ Tuyên xử: Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết theo luật định.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí DSPT; Hoàn trả cho bà Phan Thị Ng (do ông Nguyễn Hoàng H đại diện và bà Trần Thị Ngọc T1 nộp thay) số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009583 ngày 25/01/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN